

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2025

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Khuyển;

2. Bà Trần Thị Tím.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị Chone R, sinh ngày 01/01/1974. Địa chỉ: Ấp Trà L, xã Trà C, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Trà L, xã Trà C, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kim Thị Chone R trình bày:

Vào năm 1995, chị và anh Trịnh Văn H xác lập quan hệ hôn nhân và có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cự cãi về lối sống nên vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn H.

- Về con chung tên: Trịnh Thị Thanh X, sinh ngày 01/12/1995 và Trịnh Minh H, sinh ngày 12/10/2000, đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trịnh Văn H có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tổng đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Kim Thị Chone R và anh Trịnh Văn H là vợ chồng

- Về con chung: Trịnh Thị Thanh X, sinh ngày 01/12/1995 và Trịnh Minh H, sinh ngày 12/10/2000 đã thành niên, chị R và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: chị R và anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Kim Thị Chone R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Kim Thị Chone R khởi kiện yêu cầu ly hôn Trịnh Văn H, địa chỉ: Ấp Trà Lés, xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Chị R và anh H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cho đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thời gian chung sống chị R và anh H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định, từ đó xác định hôn nhân giữa chị R và anh H là không hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Kim Thị Chone R xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do thường xuyên xảy ra cự cãi về lối sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, hiện tại chị không còn tình cảm với anh H. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn H.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trịnh Văn H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do thường xuyên cự cãi về lối sống nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không còn không quan tâm chăm sóc đến nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay chị Kim Thị Chone R yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị R và anh H xác định mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không hàn gắn được. Chị R cương quyết ly hôn với anh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H có lời trình bày anh đồng ý ly hôn với chị R. Xét thấy, tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân chị R và anh H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 Nhà nước tuyên truyền phát động việc đăng ký kết hôn quá hạn nhưng anh, chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn quá hạn mà tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Kim Thị Chone R và anh Trịnh Văn H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống chị R và anh H có hai con chung tên Trịnh Thị Thanh X, sinh ngày 01/12/1995 và Trịnh Minh H, sinh ngày 12/10/2000, đã trưởng thành chị R và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị R và anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị R và anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Kim Thị Chone R phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Kim Thị Chone R

- *Về hôn nhân*: Không công nhận Kim Thị Chone R và anh Trịnh Văn H là vợ chồng.

- *Về con chung tên*: Trịnh Thị Thanh X, sinh ngày 01/12/1995 và Trịnh Minh H, sinh ngày 12/10/2000, đã trưởng thành chị R và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Kim Thị Chone R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị R đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001464, ngày 05 tháng 8 năm 2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Chị R đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Kim Thị Chone R và anh Trịnh Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà